

Số: 08/2006/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2006

VP.UBND TỈNH TÂY NINH	
Số: 3680	Ngày: 26/9/06
ĐẾN	
Chuyên:.....	

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết thực hiện một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

1.1. Thông tư này hướng dẫn chi tiết thực hiện một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005 (sau đây gọi là Luật Bảo vệ môi trường) và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 80/2006/NĐ-CP), bao gồm:

- a) Lập, thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- b) Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung và các yêu cầu của quyết định phê duyệt;
- c) Lập, đăng ký và xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường.

1.2. Thông tư này không áp dụng đối với các cơ sở đã đi vào hoạt động (còn được gọi là cơ sở đang hoạt động), kể cả những cơ sở mà trước đó không thực hiện các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

1.3. Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng và thuộc phạm vi bí mật quốc gia được hướng dẫn tại văn bản khác.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến những nội dung nêu tại điểm 1.1 mục 1 Phần I của Thông tư này.

3. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường

Khi lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án phải áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường của Việt Nam bắt buộc phải áp dụng; tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường bắt buộc phải áp dụng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

II. LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

1. Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1.1. Cơ quan được giao nhiệm vụ lập dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy định tại Điều 14 của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là chủ dự án) thành lập tổ công tác về đánh giá môi trường chiến lược gồm các chuyên gia về môi trường, các nhà khoa học liên quan có trình độ, chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của dự án để tiến hành công tác đánh giá môi trường chiến lược và lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược (quy hoạch, kế hoạch).

1.2. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải được thể hiện theo đúng cấu trúc và đáp ứng những yêu cầu về nội dung quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

2. Gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

2.1. Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đến cơ quan tổ chức việc thẩm định quy định tại khoản 7 Điều 17 của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Số lượng và mẫu hồ sơ đề nghị thẩm định được quy định như sau:

a) 01 (một) văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này;

b) 07 (bảy) bản báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của dự án được đóng thành quyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này, có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bìa của từng bản báo cáo;

c) 01 (một) dự thảo văn bản chiến lược (quy hoạch, kế hoạch).

2.3. Trong trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định cần nhiều hơn 07 (bảy) người, hoặc trong trường hợp cần thiết khác do yêu cầu của công tác thẩm định, chủ dự án cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo yêu cầu của cơ quan tổ chức việc thẩm định.

3. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

3.1. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đáp ứng yêu cầu để thẩm định, cơ quan tổ chức việc thẩm định thành lập hội đồng thẩm định; số lượng thành viên hội đồng thẩm định được quyết định căn cứ vào quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 17 của Luật Bảo vệ môi trường, tính chất, quy mô của dự án và những yêu cầu đặt ra về môi trường, nhưng phải bảo đảm ít nhất là 07 (bảy) thành viên.

3.2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP, cơ quan tổ chức việc thẩm định phải hoàn tất việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

3.3. Tổ chức và hoạt động của hội đồng thẩm định thực hiện theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 13/2006/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.4. Việc gửi báo cáo kết quả thẩm định được thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP.

III. LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG; THỰC HIỆN, KIỂM TRA, XÁC NHẬN VIỆC THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

1.1. Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 80/2006/NĐ-CP (sau đây gọi là chủ dự án) tự tổ chức hoặc thuê tổ chức dịch vụ tư vấn có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP để tiến hành công tác đánh giá tác động môi trường và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

1.2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thể hiện theo đúng cấu trúc và đáp ứng những yêu cầu về nội dung quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này.

2. Tham vấn ý kiến cộng đồng

2.1. Chủ dự án gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã thông báo về những nội dung cơ bản của dự án, những tác động xấu về môi trường của dự án, những biện pháp giảm thiểu tác động xấu về môi trường sẽ áp dụng và đề nghị góp ý kiến bằng văn bản.

2.2. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã có yêu cầu đối thoại, chủ dự án phải phối hợp thực hiện. Kết quả cuộc đối thoại được ghi thành biên bản, trong đó phản ánh đầy đủ những ý kiến đã thảo luận, ý kiến tiếp thu hoặc không tiếp thu của chủ dự án; biên bản có chữ ký (ghi họ tên, chức danh) của người chủ trì cuộc đối thoại và chủ dự án hoặc đại diện chủ dự án, kèm theo danh sách đại biểu tham dự.

2.3. Những ý kiến tán thành, không tán thành của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, của đại biểu tham dự cuộc đối thoại phải được thể hiện trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.4. Các văn bản góp ý kiến của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, biên bản cuộc đối thoại và các văn bản tham vấn cộng đồng khác (nếu có) phải được sao và đính kèm trong phần phụ lục của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

3. Gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

3.1. Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đến cơ quan tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại khoản 7 Điều 21 của Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Số lượng và mẫu hồ sơ đề nghị thẩm định được quy định như sau:

a) 01 (một) văn bản của chủ dự án đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này;

b) 07 (bảy) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được đóng thành quyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này, có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bìa của từng bản báo cáo;

c) 01 (một) bản dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư của dự án.

3.3. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định cần nhiều hơn 07 (bảy) người, hoặc trong trường hợp cần thiết khác do yêu cầu của công tác thẩm định, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của cơ quan tổ chức việc thẩm định.

4. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua hình thức hội đồng

4.1. Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ và đáp ứng yêu cầu để thẩm định; cơ quan tổ chức việc thẩm định thành lập hội đồng thẩm định; số lượng thành viên hội đồng thẩm định được quyết định căn cứ vào quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 21 của Luật Bảo vệ môi trường, tính chất, quy mô của dự án và những yêu cầu đặt ra về môi trường, nhưng phải bảo đảm ít nhất là 07 (bảy) thành viên.

4.2. Tổ chức và hoạt động của hội đồng thẩm định thực hiện theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 13/2006/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua tổ chức dịch vụ thẩm định

5.1. Tổ chức được tuyển chọn thực hiện dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

b) Có đủ phương tiện, thiết bị, cơ sở vật chất - kỹ thuật, phòng thí nghiệm với chất lượng và độ tin cậy cần thiết để đo đạc, lấy mẫu, xử lý, phân tích các mẫu về môi trường và các mẫu liên quan khác phù hợp với tính chất của dự án và địa điểm thực hiện dự án; trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì phải ký hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu đặt ra;

c) Có các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

5.2. Hoạt động của tổ chức dịch vụ thẩm định thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường

6.1. Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả của hội đồng thẩm định hoặc của tổ chức dịch vụ thẩm định, cơ quan tổ chức việc thẩm định có văn bản thông báo cho chủ dự án biết kết quả thẩm định và những yêu cầu về việc hoàn chỉnh hoặc lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.2. Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường cần được tiếp tục hoàn chỉnh, chủ dự án tiến hành hoàn chỉnh, ký vào góc trái phía dưới của từng trang và nhân bản với số lượng như sau để gửi cơ quan tổ chức việc thẩm định kèm theo văn bản giải trình cụ thể về việc hoàn chỉnh này để được xem xét, phê duyệt:

a) Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, số lượng báo cáo bảo đảm đủ để gửi đến các địa chỉ: Bộ Tài nguyên và Môi trường (04 bản kèm theo 01 bản được ghi trên đĩa CD); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc địa bàn dự án (01 bản); Bộ, ngành quản lý dự án (01 bản). Trường hợp dự án nằm trên diện tích đất của từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, gửi thêm số lượng bản báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng số lượng các tỉnh tăng thêm;

b) Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, số lượng báo cáo

bảo đảm đủ để gửi tới các địa chỉ: Bộ, ngành quản lý dự án (03 bản kèm theo 01 bản được ghi trên đĩa CD); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc địa bàn dự án (01 bản); Bộ Tài nguyên và Môi trường (01 bản).

c) Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, số lượng báo cáo bảo đảm đủ để gửi tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án là 03 bản kèm theo 01 bản được ghi trên đĩa CD.

7. Thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường

7.1. Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường không được hội đồng thẩm định hoặc tổ chức dịch vụ thẩm định thông qua, việc thẩm định lại được thực hiện theo đề nghị của chủ dự án.

7.2. Việc thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường do hội đồng thẩm định hoặc tổ chức dịch vụ thẩm định trước đó tiến hành; trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thành lập hội đồng mới hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định khác để thẩm định lại.

8. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

8.1. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này.

8.2. Trường hợp xét thấy có khả năng xảy ra những tác động xấu về môi trường nhưng chưa được đánh giá một cách đầy đủ trong báo cáo đánh giá tác động môi trường vì nguyên nhân khách quan như: chưa có số liệu chi tiết của dự án hoặc số liệu về hiện trạng và sức chịu tải của môi trường xung quanh, việc đánh giá rủi ro chưa đủ tin cậy và nguyên nhân bất khả kháng khác cho đến thời điểm phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải có lưu ý ở phần các yêu cầu kèm theo của quyết định phê duyệt.

9. Xác nhận và gửi hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt

9.1. Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xác nhận vào mặt sau trang phụ bìa của từng bản báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.

9.2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được xác nhận kèm theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án và các cơ quan liên quan khác theo quy định tại điểm 6.2 mục 6 Phần III của Thông tư này; gửi bản chính và bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP.

10. Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung

10.1. Chủ dự án thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung trình cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án để thẩm định và phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

10.2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung được thể hiện theo cấu trúc và đáp ứng được những yêu cầu về nội dung quy định tại Phụ lục 9 kèm theo Thông tư này.

10.3. Số lượng và mẫu hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung được quy định như sau:

a) 01 (một) văn bản đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư này;

b) 05 (năm) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung được đóng thành quyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 kèm theo Thông tư này, có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bì. Trong trường hợp cần thiết do yêu cầu của công tác thẩm định, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung theo yêu cầu của cơ quan thẩm định;

c) 01 (một) bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt trước đó;

d) 01 (một) bản sao có công chứng của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước đó;

đ) 01 (một) bản giải trình về những nội dung điều chỉnh của dự án.

10.4. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các nhà khoa học, quản lý có chuyên môn, trình độ phù hợp; trường hợp cần thiết lấy thêm ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương nơi có dự án. Ý kiến nhận xét, đánh giá được thể hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 kèm theo Thông tư này.

10.5. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đáp ứng yêu cầu để thẩm định, trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tổ chức việc thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ dự án biết rõ lý do để bổ sung, hoàn chỉnh.

10.6. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 kèm theo Thông tư này và có giá trị đi kèm với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước đó.

Trường hợp không phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải trả lời bằng văn bản cho chủ dự án và nêu rõ lý do.

10.7. Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung đã phê duyệt phải được xác nhận ở mặt sau trang phụ bì theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.

10.8. Số lượng các bản báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung được phê duyệt và xác nhận phải bảo đảm đủ để gửi kèm theo bản chính của quyết định phê duyệt bổ sung tới những địa chỉ đã nhận quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước đó.

11. Nội dung, hình thức của báo cáo, thông báo của chủ dự án về việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường

11.1. Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án về nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 kèm theo Thông tư này.

11.2. Bản tóm tắt báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 kèm theo Thông tư này.

11.3. Báo cáo về kế hoạch xây lắp các công trình xử lý môi trường và công trình bảo vệ môi trường được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 kèm theo Thông tư này

11.4. Báo cáo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý và bảo vệ môi trường được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 kèm theo Thông tư này.

11.5. Báo cáo việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 18 kèm theo Thông tư này.

11.6. Văn bản đề nghị xác nhận về việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 kèm theo Thông tư này.

12. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung

12.1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cử đại diện phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương tiến hành kiểm tra việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thành lập đoàn kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 kèm theo Thông tư này.

12.2. Hoạt động kiểm tra, xem xét để xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP bao gồm:

- a) Nghiên cứu, xem xét hồ sơ đề nghị xác nhận do chủ dự án gửi tới;
- b) Tiến hành kiểm tra tại địa điểm thực hiện dự án.

12.3. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 kèm theo Thông tư này và phải được người đại diện của cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, chủ dự án và đại diện cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường địa phương ký.

13. Xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

13.1. Giấy xác nhận dự án thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 22 kèm theo Thông tư này. Trường hợp chưa đủ điều kiện để xác nhận, cơ quan có thẩm quyền xác nhận có trách nhiệm thông báo cho chủ dự án biết rõ lý do.

13.2. Giấy xác nhận được đính kèm với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án để tiện kiểm tra, theo dõi.

14. Giám định kỹ thuật đối với công trình xử lý và bảo vệ môi trường

14.1. Việc giám định kỹ thuật đối với công trình xử lý và bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

14.2. Tổ chức đã thiết kế, xây lắp công trình, hạng mục công trình xử lý và bảo vệ môi trường của dự án không được thực hiện việc giám định kỹ thuật đối với công trình hoặc hạng mục công trình đó.

IV. LẬP, ĐĂNG KÝ, XÁC NHẬN BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Lập bản cam kết bảo vệ môi trường

1.1. Chủ dự án thuộc các đối tượng phải có bản cam kết bảo vệ môi trường quy định tại Điều 24 của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là chủ dự án) có trách nhiệm lập bản cam kết bảo vệ môi trường.

1.2. Cấu trúc và yêu cầu nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư này.

2. Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

2.1. Chủ dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền để đăng ký và cấp giấy xác nhận.

2.2. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn quản lý của từ 02 (hai) huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên, chủ dự án tự lựa chọn Ủy ban nhân dân của một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

2.3. Số lượng và mẫu hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường được quy định như sau:

a) 01 (một) văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 24 kèm theo Thông tư này;

b) 03 (ba) bản cam kết bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 25 kèm theo Thông tư này có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bì của từng bản; trường hợp ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, gửi thêm 01 (một) bản cam kết bảo vệ môi trường (đối với dự án nằm trên địa bàn của 01 huyện); trường hợp dự án nằm trên địa bàn từ 02 (hai) huyện trở lên, gửi thêm số lượng bản cam kết bảo vệ môi trường bằng số lượng các huyện tăng thêm.

c) 01 (một) bản dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo giải trình về đầu tư của dự án.

3. Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

3.1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã được ủy quyền phải hoàn thành việc cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho chủ dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 26 kèm theo Thông tư này.

3.2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký phải có xác nhận vào mặt sau trang phụ bì của từng bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.

4. Gửi bản cam kết bảo vệ môi trường đã xác nhận

4.1. Trường hợp đăng ký và xác nhận ở cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đã xác nhận đến chủ dự án 01 (một) bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận để thực hiện.

Trường hợp dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) huyện trở lên, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường có trách nhiệm gửi Ủy ban nhân dân huyện có liên quan 01 (một) bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận.

4.2. Trường hợp đăng ký và xác nhận ở cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đã xác nhận đến các địa chỉ sau:

a) Chủ dự án 01 (một) bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận để thực hiện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện 01 (một) bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận.

5. Ủy quyền xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

5.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 27 kèm theo Thông tư này.

5.2. Trình tự, thủ tục, thời hạn đăng ký và xác nhận ở cấp xã được thực hiện theo quy định tại các mục 2, 3 và 4 phần IV của Thông tư này.

5.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện không ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp dự án nằm trên địa bàn của từ 02 (hai) huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 490/1998/TT-BKHHCNMT ngày 29 tháng 4 năm 1998 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cần phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Ban Khoa giáo Trung ương;
- Ủy ban KH, CN & MT của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Lưu VT, PC, TĐ. *KL.*

BỘ TRƯỞNG



Mai Ái Trục